

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST  
Ngày 19-5-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Thanh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Hồ Văn S** (tên gọi khác: X), sinh năm 1993 tại tỉnh B; địa chỉ thường trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B; chỗ ở trước khi bị bắt: Đường D27, nhà trọ không tên, khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông Hồ Văn M, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; có 02 chị em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 27/2/2012, bị Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã), tỉnh B tuyên phạt 07 tháng 14 ngày tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2012/HSST ngày 27/02/2012. Thời gian xử phạt bằng thời hạn tạm giam nên được trả tự do tại phiên tòa. Chấp hành xong án phí ngày 03/4/2012; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 27/10/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn Q** (tên gọi khác: S), sinh năm 1996, tại tỉnh B; địa chỉ thường trú: Khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1976; có 02 chị em, lớn

nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 01/02/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã), tỉnh B tuyên phạt 07 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2016/HSST ngày 01/02/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2016. Chấp hành xong án phí ngày 01/4/2016; ngày 09/6/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B tuyên phạt 01 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 147/2016/HSST ngày 09/6/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2017. Chấp hành xong án phí ngày 22/11/2016; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 27/10/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Biện Xuân H**, sinh năm 1990 tại tỉnh Đ; địa chỉ thường trú: ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đ; chỗ ở trước khi bị bắt: Nhà trọ không tên, đường DH8, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 09/12; con ông Biện Văn T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954; bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất bị cáo; tiền án: Ngày 22/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đ tuyên phạt 04 tháng tù về tội: “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án. Chấp hành xong án phí ngày 08/4/2013, chưa chấp hành xong số tiền tịch thu sung công quỹ Nhà nước; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 27/10/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Hoàng Y**, sinh năm 1994 tại tỉnh Đ; địa chỉ thường trú: Khối 10, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ; chỗ ở hiện nay: nhà trọ không tên, đường DH8, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 09/12; con ông Hoàng Đình C, sinh năm 1969 và bà Lê Thị N, sinh năm 1972; bị cáo có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1998; có 01 con sinh ngày 09/10/2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 27/10/2020 đến ngày 05/11/2020, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Tô Quang T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 36/5, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q và Hồ Văn S là bạn bè với nhau. Cả hai đều là đối tượng nghiện ma túy đá (Methamphetamine), không có nghề nghiệp ổn định.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 27/10/2020, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về Kinh tế - Ma túy Công an thị xã B kết hợp Công an phường T, thị xã B, tỉnh B kiểm tra, phát hiện Nguyễn Văn Q và Hồ Văn S có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ: 01 (một) gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng và 01 xe mô tô hiệu Dream biển số 76X9-0270.

Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B bắt quả tang Biện Xuân H cùng hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Hoàng Y về hành vi mua bán trái phép chất ma túy đồng thời thu giữ vật chứng: 01 gói nylon miệng keo dính có viên đỏ bên trong có chứa 15 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng; 01 túi nylon miệng keo dính có viên xanh kích thước 04 x 05cm chứa tinh thể màu trắng; 01 túi nylon miệng hờ, kích thước 4,5cm x 4,5cm chứa tinh thể màu trắng; 01 bộ dụng cụ ma túy thu giữ dưới gầm tủ đặt sát vách tường hướng từ ngoài vào phòng; 01 điện thoại OPPO F7 bên trong có gắn sim số 0972.401.447 và 01 xe mô tô biển số 39F2-4554.

Tại Cơ quan Điều tra, Q, S, H và Y khai nhận: Vào khoảng 08 giờ ngày 26/10/2020, Biện Xuân H điều khiển xe mô tô biển số 39F2-4554 đi đến khu vực Bến xe Miền Đông thuộc thành phố H để tìm gặp và hỏi mua được 01 túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy đá của một người bán không rõ nhân thân, lai lịch với giá 3.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy H điều khiển xe mô tô về phòng trọ số 05 nhà trọ không tên thuộc đường DH8, khu phố 1, phường T, thị xã B, tỉnh B, H lấy gói ma túy vừa mua được phân chia thành 16 (mười sáu) gói nhỏ nhằm mục đích sử dụng, H cất giấu toàn bộ số ma túy trên vào trong khăn lau tay để trên nền nhà, dưới chân cầu thang đi lên gác trên phòng trọ. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Y đến phòng trọ của H để chơi và ngủ lại, H lấy một ít ma túy ra cùng Y sử dụng, số còn dư H để trong túi nylon miệng hờ và cất giấu lại chỗ cũ.

Khoảng 11 giờ ngày 27/10/2020, S rủ Q mua ma túy về cùng nhau sử dụng, Q đồng ý và điện thoại cho Y hỏi mua thiếu 300.000 đồng ma túy đá, hẹn chiều cùng ngày sẽ trả tiền thì Y đồng ý và hẹn Q đi đến trước nhà trọ của Y và H thuê ở trên đường DH8, khu phố 1, phường T, thị xã B để giao dịch. Lúc này, Y xin H 01 gói ma túy thì H đồng ý và lấy 01 gói nylon hàn kín chứa ma túy đá từ trong túi nylon miệng kéo dính viên đỏ chứa 16 (mười sáu) gói nylon hàn kín đưa cho Y, còn lại 15 (mười năm) gói nylon hàn kín chứa ma túy đá thì H vẫn cất giấu trong túi nylon miệng kéo dính viên đỏ để dưới chân cầu thang như ban đầu. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô biển số 76X9-

0270 chở S đến điểm hẹn. S đứng ngoài canh xe, Q đi bộ đến gần phòng trọ số 05 gặp Y và lấy 01 gói nylon hàn kín chứa ma túy đá do Y trực tiếp bán. Sau khi mua được ma túy, Q chở S đến khu vực vườn trà không rõ địa chỉ cách khu vực nhà trọ của Y khoảng 01km để cùng S sử dụng ma túy, phần còn dư Q hàn kín như ban đầu và cất giấu trong túi áo bên trái, phía trước của áo khoác Q đang mặc. Sau khi sử dụng ma túy xong Q nói cho S biết gói ma túy vừa mua có giá 300.000 đồng và thỏa thuận mỗi người sẽ góp 150.000 đồng, S đồng ý khi nào sử dụng hết số ma túy còn lại đưa tiền cho Quan. Sau đó, Q chở S quay về phòng trọ để tiếp tục sử dụng số ma túy còn lại, khi đến khu vực phía trước Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ, thuộc khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh B thì bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra, phát hiện trong túi áo khoác, bên trái phía trước Q đang mặc có 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng, Q và S khai nhận là ma túy mua của Y.

Theo Kết luận giám định số 678/MT-PC09 ngày 02/11/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể giám định là ma túy loại Methamphetamine, có trọng lượng M= 0,1587 gam. Mẫu vật sau giám định được niêm phong có trọng lượng M= 0,0980. (thu giữ của Nguyễn Văn Q).

Theo Kết luận giám định số 682/MT-PC09 ngày 04/11/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể giám định là ma túy loại Methamphetamine, có trọng lượng M1-1= 0,7418 gam; M1-2 =2,2781 gam; M2-1=1,3053 gam; M2-2= 6,0407 gam. Mẫu vật sau giám định được niêm phong có trọng lượng M1-1= 0,6912 gam; M1-2 =2,1339 gam; M2-1=1,2070 gam; M2-2= 5,9760 gam. (thu giữ của tại phòng trọ số 05 nơi Biên Xuân H thuê trọ).

Quá trình xác minh xe mô tô biển số 76X9-0270 do Q và S sử dụng đi mua ma túy như sau: Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an thị xã B đối với xe mô tô biển số 76X9-0270, số máy 011981, số khung 11981 của ông Đình T (sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Q). Tại Biên bản làm việc với ông Đình T, ông T xác nhận hiện tại xe mô tô biển số 76X9-0270 ông T vẫn đang được ông T sử dụng, quá trình sử dụng ông T không làm mất xe và biển số. Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an thị xã B đối với số máy: LC150FMG0106978, số khung: MH10001406978 không tìm thấy dữ liệu tra cứu theo chỉ tiêu tìm kiếm trên. Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông đường bộ của Công an thị xã B đối với số máy: LC150FMG0106978, số khung: MH10001406978 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Theo kết quả thông báo của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B về

thông báo kết quả tra cứu xe máy vật chứng biển số 76X9-0270, số máy 011981, số khung 11981 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 39F2-4554, số khung 6409Y-171259, số máy 5C64-171254, là tài sản hợp pháp của ông Tô Quang T mua vào năm 2010 tại một cửa hàng xe máy ở Đ với giá 24.000.000 đồng, ông T đứng tên chủ sở hữu, ngày 20/10/2020 H mượn xe để qua B đi xin việc làm, T đồng ý. Ông T không biết H sử dụng xe mô tô đi mua ma túy nên ngày 05/2/2021, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B ra quyết định xử lý vật chứng trao trả xe biển số 39F2-4554 cho ông Tô Khắc T.

Theo Biên bản xét nghiệm chất ma túy ngày 27/10/2020 kết quả Hồ Văn S, Nguyễn Văn Q, Biện Xuân H và Hoàng Y dương tính với ma túy đá.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 24/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố các bị cáo Hồ Văn S, Nguyễn Văn Q về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Biện Xuân H về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Hoàng Y về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hồ Văn S, Nguyễn Văn Q về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Biện Xuân H về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Hoàng Y về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hồ Văn S từ 01 năm 06 tháng năm đến 02 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 01 năm 06 tháng năm đến 02 năm tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Biện Xuân H từ 06 năm đến 07 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hoàng Y từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 Bì thư dán kín số 682/MT-PC09 ngày 04/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, bên trong có chứa 10,0081 gam Methamphetamin (theo Kết luận giám định số 682/MT-PC09 ngày 04/11/2020); 01 bì thư dán kín số 678/MT-PC09 ngày 02/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, bên trong có chứa M=0,0980 gam (theo Kết luận giám định số 678/MT-PC09 ngày 02/11/2020): Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và lưu hành. Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 76X9-0270, số máy LC150FM01406978, không kiểm tra được số khung (xe không gương, không bình, không khóa, xe cũ nát, tại thời điểm giao nhận xe không khởi động được: Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thị xã B đã tiến hành xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nhưng không có kết quả. Đồng thời, theo kết quả xác minh thì chiếc xe này không phải là tang vật trong vụ án khác. Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thị xã B đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe này trên phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm này chưa có người đến nhận xe. Do đó, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 (máy bị trầy xước, không kiểm tra được model và IMEI của máy, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động được), gắn sim thuê bao số 0972.401.447 (không kiểm tra được số seri) thu giữ của bị cáo H: Đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Các bị cáo Hồ Văn S, Nguyễn Văn Q, Biện Xuân H và Hoàng Y đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, nội dung bản Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 24/3/2021; Kết luận giám định số 678/MT-PC09 ngày 02/11/2020 và Kết luận giám định số 682/MT-PC09 ngày 04/11/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, tỉnh B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Văn S, Nguyễn Văn Q và Biện Xuân H đã thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo Hoàng Y đã thành khẩn khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

- Các bị cáo Nguyễn Văn Q và Hồ Văn S đã có hành vi tàng trữ 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng loại Methamphetamine có trọng lượng 0,1587 gam nhằm mục đích sử dụng.

- Bị cáo Biện Xuân H đã có hành vi tàng trữ 01 gói nylon miệng keo dính có viên đỏ bên trong có chứa 15 gói nylon hàn kín loại Methamphetamine có tổng trọng lượng 10,5246 gam nhằm mục đích sử dụng. Việc Y xin ma túy của H, sau đó bán lại cho Q và S để kiếm lời H không biết.

- Bị cáo Hoàng Y có hành vi bán trái phép 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng loại Methamphetamine có trọng lượng 0,1587 gam cho Q và S nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền 300.000 đồng.

Do đó, hành vi mà các bị cáo Nguyễn Văn Q và Hồ Văn S đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi mà bị cáo Hoàng Y đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi mà bị cáo Biện Xuân H đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội như: Trộm cắp, cướp giật, đặc biệt là nguy cơ lây nhiễm căn bệnh HIV/AIDS qua con đường tiêm chích ma túy. Loại ma túy mà các bị cáo Quan, Sinh, H tàng trữ và bị cáo Y mua bán là Methamphetamine, đây là loại độc dược gây nghiện, có nhiều tác hại cho sức khỏe con người. Hiện nay, tệ nạn hút chích ma túy đang là gánh nặng cho gia đình và xã hội, trong khi Nhà nước không ngừng tuyên truyền giáo dục và vận động toàn xã hội ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy thì vẫn còn những người vì mục đích tư lợi đã lén lút hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, bất chấp pháp luật và hậu quả gây ra cho xã hội.

*Xét tính chất và mức độ phạm tội:* Các bị cáo Nguyễn Văn Q và Hồ Văn S phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo S là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Q cùng nhau góp tiền chung để mua ma túy về nhằm mục đích sử dụng. Bị cáo Q tích cực tham gia, chờ bị cáo S đi mua ma túy, bị cáo Q trực tiếp gặp bị cáo Y để mua ma túy về sử dụng. Do đó mức hình phạt đối với bị cáo S và bị cáo Q tương đương nhau.

*Về tình tiết định khung hình phạt:*

- Tổng khối lượng Methamphetamine bị cáo Nguyễn Văn Q và Hồ Văn S đã có hành vi cất giấu là 0,1587 gam. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo Q và S không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Hoàng Y có hành vi bán khối lượng ma túy nêu trên cho bị cáo Q và bị cáo Sinh. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Y không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tổng khối lượng Methamphetamine bị cáo Biện Xuân H đã có hành vi cất giấu là 10,5246 gam. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên bị xét xử ở điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

- Các bị cáo Nguyễn Văn Quan, Hồ Văn S và Hoàng Y không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Biện Xuân H: Ngày 22/01/2013, bị cáo H bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đ tuyên phạt 04 tháng tù về tội: “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án. Bị cáo chấp hành xong án phí ngày 08/4/2013, chưa chấp hành xong số tiền tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Vào ngày 27/10/2020, bị cáo H tiếp tục phạm tội mới. Như vậy, bị cáo H chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý nên bị áp

dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

*Về nhân thân:* Hoàng Y có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Văn Q là người có nhân thân xấu thể hiện ở việc từng phạm tội và bị kết án. Bị cáo H cũng là người có nhân thân xấu do bị kết án chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội mới. Nhận thấy, các bị cáo sau khi chấp hành xong hình phạt, không cố gắng tu dưỡng đạo đức bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đối với nhân thân của các bị cáo. Do vậy, đối với các bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

#### [4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 Bì thư dán kín số 682/MT-PC09 ngày 04/11/2020 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh B, bên trong có chứa 10,0081 gam Methamphetamin (theo Kết luận giám định số 682/MT-PC09 ngày 04/11/2020); 01 bì thư dán kín số 678/MT-PC09 ngày 02/11/2020 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh B, bên trong có chứa M=0,0980 gam (theo Kết luận giám định số 678/MT-PC09 ngày 02/11/2020): Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và lưu hành. Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 76X9-0270, số máy LC150FM01406978, không kiểm tra được số khung (xe không gương, không bửng, không khóa, xe cũ nát, tại thời điểm giao nhận xe không khởi động được): Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thị xã B đã tiến hành xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nhưng không có kết quả. Đồng thời, theo kết quả xác minh thì chiếc xe này không phải là tang vật trong vụ án khác. Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thị xã B đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe này trên phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm này chưa có người đến nhận xe. Do đó, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản

2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 (máy bị trầy xước, không kiểm tra được model và IMEI của máy, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động được), gắn sim thuê bao số 0972.401.447 (không kiểm tra được số seri) thu giữ của bị cáo H: Đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 39F2-4554, số khung 6409Y-171259, số máy 5C64-171254 do H sử dụng: Đây là tài sản cá nhân của ông Tô Quang T. Bị cáo Biện Xuân H mượn xe đi xin việc làm, ông T không biết hành vi phạm tội của bị cáo H nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B giao trả xe này cho ông Tô Quang T. Việc giao trả này là phù hợp theo quy định pháp luật.

Đối với số tiền 300.000 đồng do bị cáo Y bán ma túy cho bị cáo Q và bị cáo S: Mặc dù, bị cáo Q và bị cáo S chưa trả tiền và các bị cáo Q, S và Y bị bắt trước khi bị cáo Y lấy được tiền. Nhưng đây là số tiền thu lợi bất chính. Do đó, căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 bị cáo Y phải nộp số tiền 300.000 đồng này để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Đối với người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch đã bán ma túy cho bị cáo H: Cơ quan Điều tra Công an thị xã B tiếp tục xác minh nhân thân, lai lịch để làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về trách nhiệm hình sự:**

- Tuyên bố bị cáo Hồ Văn S, Nguyễn Văn Q và Biện Xuân H phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Tuyên bố bị cáo Hoàng Y phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.
- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Văn Q.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn S 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/10/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/10/2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hoàng Y;

Xử phạt bị cáo Hoàng Y 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án; được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2020 đến ngày 05/11/2020.

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Biện Xuân H;

Xử phạt bị cáo Biện Xuân H 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/10/2020.

2. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ theo Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 Bì thư dán kín số 682/MT-PC09 ngày 04/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, bên trong có chứa 10,0081 gam Methamphetamine (theo Kết luận giám định số 682/MT-PC09 ngày 04/11/2020); 01 bì thư dán kín số 678/MT-PC09 ngày 02/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, bên trong có chứa M= 0,0980 gam (theo Kết luận giám định số 678/MT-PC09 ngày 02/11/2020).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 76X9-0270, số máy LC150FM01406978, không kiểm tra được số khung (xe không gương, không bửng, không khóa, xe cũ nát, tại thời điểm giao nhận xe không khởi động được).

Trả lại cho bị cáo Biện Xuân H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 (máy bị trầy xước, không kiểm tra được model và IMEI của máy, tại thời điểm giao nhận máy không hoạt động được), gắn sim thuê bao số 0972.401.447 (không kiểm tra được số seri).

Buộc bị cáo Hoàng Y nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữa Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân thị xã B).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hồ Văn S, Nguyễn Văn Q; Biện Xuân H và Hoàng Y, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thị Thanh Trúc**